

Bản án số: 173/2023/DS-PT

Ngày: 14-9-2023

*V/v: Tranh chấp hợp đồng giao  
khoán tài sản và yêu cầu bồi  
thường thiệt hại về tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Thảo

*Các Thẩm phán:* Bà Đinh Thị Quý Chi

Bà Lê Hồng Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đăng Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:** Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng giao khoán tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*”. Do Bản án số 24/2023/DS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2023/QĐPT-DS ngày 08/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 138/2023/QĐ-PT ngày 25/8/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Và Bá M, sinh năm 1993; HKTT: Thôn B, xã M, huyện K, tỉnh N; Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện T, tỉnh Đ. (Có mặt)

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn 6, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Khổng Thị M, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn 2, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 2005; Địa chỉ: Thôn 2, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

3. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn Vĩnh Tiến, xã Tàu Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Đức D.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Và Bá M trình bày:***

Do có người giới thiệu và biết ông Nguyễn Đức D có 07ha cao su cần bán bông tại thôn 5, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước nên ngày 09/3/2022 nên ông có liên hệ gặp ông Nguyễn Đức D thỏa thuận mua cao su bông (khai thác mỏ) với giá 200.000.000đ trên tổng diện tích 07ha với khoảng 2.500 cây cao su đang khai thác. Trong ngày 09/3/2022 hai bên có làm hợp đồng khai thác mỏ cao su, thời hạn khai thác đến hết năm 2022. Ông đã bàn giao đủ tiền cho ông Nguyễn Đức D, hai bên có ra nhờ trưởng thôn là ông Dương Văn Trào ký là người làm chứng.

Sau khi mua cao su bông và khai thác từ ngày 09/3/2022 đến ngày 20/5/2022 thì có 01 người phụ nữ tự xưng là vợ của ông Nguyễn Đức D vào ngăn cản không cho ông khai thác mỏ như thỏa thuận. Sự việc trên ông đã báo Công an xã Phước Sơn giải quyết việc bà Khổng Thị M (vợ ông Nguyễn Đức D) ngăn cản không cho ông khai thác mỏ, Công an xã đã làm việc và mời ông Nguyễn Đức D nhưng ông Nguyễn Đức D cho rằng đây là tài sản riêng của ông không liên quan gì đến bà Khổng Thị M. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông Dũng giải quyết việc gia đình để cho ông khai thác mỏ nhưng ông Nguyễn Đức D không giải quyết. Vì vậy, ông đã giao lại tài sản thuê khoán cho ông Nguyễn Đức D và yêu cầu ông Nguyễn Đức D trả lại số tiền thuê khoán nhưng ông Nguyễn Đức D không đồng ý. Do đó, nay ông khởi kiện yêu cầu Hủy hợp đồng khai thác mỏ cao su với ông Nguyễn Đức D và buộc ông Nguyễn Đức D trả số tiền thuê khoán 200.000.000đ và tiền công làm cao su bao gồm tiền làm máng, kiềng là 3.500.000đ, tiền phát cỏ 4.200.000đ, tiền mở miệng cây là 8.000.000đ. Tổng số tiền ông Nguyễn Đức D Dũng phải trả là 215.700.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông rút yêu cầu đối với tiền công làm cao su, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết Hủy hợp đồng khai thác mỏ cao su với ông Nguyễn Đức D, yêu cầu ông Nguyễn Đức D trả số tiền 200.000.000đ.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đức D, ông không đồng ý vì ông không có được ông Nguyễn Đức D giao những tài sản bị mất trộm quản lý, sử dụng.

***Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đức Dũng trình bày:***

Ông thống nhất với lời khai của ông Và Bá M về việc ký kết hợp đồng khai thác mỏ cao su vụ mùa năm 2022. Ngày 09/3/2022, ông đã bàn giao vườn theo thỏa thuận và ông đã nhận đủ số tiền 200.000.000đ của ông Và Bá M. Sau khi viết hợp đồng ông đã đến nhà thôn trưởng ký nhận vào ngày 09/3/2022. Ông thừa nhận quá trình ông Và Bá M thực hiện hợp đồng thì có bà Không Thị M cùng đồng bọn vào vườn tranh cướp xâm phạm vườn cao su của ông nên ông Và Bá M không khai thác mỏ được. Ông đã thực hiện nhiều biện pháp để bảo vệ việc khai thác cho ông Và Bá M như báo với Công an xã Phước Sơn, tiến hành bắt xe của anh Nguyễn Đức H và gây thương tích cho anh Nguyễn Đức H. Đến ngày 30/5/2022 ông Và Bá M giao lại chìa khóa nhà cho ông, tự ý bỏ đi không khai thác mỏ là đơn phương chấm dứt hợp đồng và không làm thủ tục thanh lý hợp đồng. Việc ông Và Bá M đơn phương hủy là không đúng. Vì vậy, nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Và Bá M.

Ngày 20/6/2022, bị đơn ông Nguyễn Đức D có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Và Bá M trả số tiền tương ứng với những tài sản mà ông bị mất cắp là 36.400.000đ, gồm những tài sản: Ấc quy 150A giá 3.000.000đ; Ổng nguồn điện giá 4.000.000đ; Máy cưa xăng giá 11.500.000đ; Cục thu phát Wifi giá 1.200.000đ; 05 chai thuốc cỏ giá 900.000đ; 04 can thuốc cỏ giá 4.800.000đ; Gà 60kg giá 6.000.000đ; Tiền sửa nhà 5.000.000đ. Lý do ông yêu cầu ông Và Bá M bồi thường thiệt hại là do ông đã bàn giao tài sản nói trên cho ông Và Bá M quản lý, sử dụng. Nay tài sản bị mất ông Và Bá M chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về những tài sản này.

***Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Không Thị Mươi trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Đức D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến cuối năm 2014 thì không còn chung

sống. Quá trình sống chung bà và ông Dũng có 01 con chung là Nguyễn Đức H, sinh năm 2005. Quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Đức D có tạo lập được tài sản gồm diện tích đất khoảng 07ha đất tại thôn 6, xã Phước Sơn, huyện Bàn Đăng, tỉnh Bình Phước đất thuộc tiểu khu 199 và tiểu khu 204 (chỉ không rõ thuộc quản lý của cơ quan nào). Nguồn gốc là do bà và ông Nguyễn Đức D cùng khai phá. Sau khi khai phá thì bà và ông Đức Dũng trồng điều. Đến khoảng năm 2009 thì do cây điều không phát triển nên chặt toàn bộ cây điều, chuyển sang trồng cây cao su trên toàn bộ diện tích đất, trồng được khoảng 3.500 cây cao su. Toàn bộ diện tích đất trên chưa được cấp giấy CNQSD đất.

Ngoài ra, năm 2005 vợ chồng còn khai phá khoảng 05ha tại tiểu khu 199 thuộc thôn 6, xã Phước Sơn, huyện Bàn Đăng, tỉnh Bình Phước. Toàn bộ diện tích đất này bà và ông Nguyễn Đức D trồng điều.

Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn đến năm 2014 thì bà về xã Thống Nhất ở không còn chung sống cùng ông Nguyễn Đức D cho đến nay. Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2022 thì ông Nguyễn Đức D là người quản lý diện tích đất nói trên.

Khoảng tháng 5/2022 bà có nghe hàng xóm nói ông Nguyễn Đức D bán cao su bônđ diện tích 07ha tại thôn 6, xã Phước Sơn, huyện Bàn Đăng, tỉnh Bình Phước nên bà có tìm gặp người mua cao su bônđ thì biết ông Và Bá M đã mua cao su bônđ 01 năm với giá 200.000.000đ. Bà có nói chuyện với ông Và Bá M diện tích đất trên là của bà và ông Dũng cùng khai phá trồng cao su, việc ông Nguyễn Đức D bán bônđ cho ông Và Bá M không có sự đồng ý của bà là không đúng nên bà có nói với ông Và Bá M lỡ mua rồi thì ông Và Bá M cạo phần nhiều, còn mẹ con bà cạo phần ít nhưng ông Và Bá M không đồng ý như vậy. Đến ngày 24/5/2022 con trai bà có vào cạo mủ thì gặp ông Và Bá M kêu lại để cùng ra xã làm việc về vấn đề không được cạo mủ.

Sau đó, bà và con trai bà cạo mủ được 01, 02 ngày thì ông Nguyễn Đức D dùng hung khí chém con trai bà (cháu Nguyễn Đức H) phải đi nhập viện. Sau khi khỏi bệnh thì con trai bà cạo mủ diện tích đất trên cho đến hết mùa cao su không thấy ông Nguyễn Đức D có ý kiến gì.

Hiện nay, ông Và Bá M khởi kiện ông Nguyễn Đức D bà không có ý kiến gì, ai làm sai thì người đó phải chịu trách nhiệm.

***Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức Hùng trình bày:***

Anh không có quan hệ họ hàng gì với ông Và Bá M. Ông Nguyễn Đức D là ba anh. Mẹ anh là bà Khổng Thị M. Khoảng ngày 22/5/2022 anh vào diện tích đất 07ha tại thôn 6, xã Phước Sơn, huyện Bàn Đăng, tỉnh Bình Phước để cạo mủ. Lý do anh vào cạo mủ là do mẹ anh nói đất là của ba mẹ khai phá, nay anh đã lớn thì vào rẫy để làm. Khi anh vào cạo mủ được 02 ngày thì ông Nguyễn Đức D đập phá xe anh không cho anh vào cạo nữa. Khi anh vào cạo mủ có gặp ông Và Bá M, anh có hỏi ông Và Bá M thì ông Và Bá M nói mua bông 01 năm, anh có nói đất này của ba mẹ cùng làm nay anh đã lớn nên mẹ kêu vào cạo mủ. Sau đó mấy ngày thì ông Và Bá M làm đơn ra Công an xã giải quyết để ông Nguyễn Đức D trả lại tiền. Đến ngày 02/6/2022 sau khi anh đi đổ mủ về thì bị ông Nguyễn Đức D chặn lại chém phải đi nhập viện. Sau khi anh ra viện thì từ đó đến nay anh là người khai thác mủ trên diện tích đất trên. Hiện nay, ông Và Bá M khởi kiện ông Nguyễn Đức D anh có ý kiến đây là đất của ba mẹ, ông Nguyễn Đức D tự ý bán su bông là sai nên ông Nguyễn Đức D phải chịu trách nhiệm.

***Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Phượng trình bày:***

Bà là vợ ông Nguyễn Đức D, bà sinh sống tại thôn Vĩnh Tiến, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Bà và ông Nguyễn Đức D có cưới hỏi, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, được hai bên gia đình chấp thuận từ năm 1986. Quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Đức D có 03 người con là Nguyễn Đức Anh, sinh năm 1987; Nguyễn Văn Hoàng, sinh năm 1989 và Nguyễn Thu Trang, sinh năm 1994. Bà và ông Nguyễn Đức D chung sống nhưng không đăng ký kết hôn và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2004. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Bàn Đăng, tỉnh Bình Phước bà xác định bà không liên quan gì đến nội dung tranh chấp, bà cũng xác định tài sản đó không phải là tài sản chung giữa bà và ông Nguyễn Đức D.

Đối với bà Khổng Thị M thì bà có biết do là người gần thôn của bà vào trong Bàn Đăng làm ăn, không có quan hệ họ hàng gì.

Bà xác định bà chưa từng vào thôn 6, xã Phước Sơn, huyện Bàn Đăng, tỉnh Bình Phước, bà cũng không đăng ký hộ khẩu hay tạm trú tại đây bao giờ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Và Bá M, bà không có ý kiến gì, bà không liên quan gì đến ông Nguyễn Đức D. Ngoài ra bà cũng không có yêu cầu

độc lập gì đối với vụ án Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đang thụ lý giải quyết.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 17/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đã quyết định:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Và Bá M về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản”.

Tuyên hủy hợp đồng khai thác mỏ cao su năm 2022 lập ngày 09/3/2022 giữa ông Nguyễn Đức D và ông Và Bá M.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Đức D trả cho nguyên đơn ông Và Bá M số tiền thuê khoán là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Và Bá M về bồi thường thiệt hại; Nếu sau này đương sự khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức D về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 31/5/2023, bị đơn ông Nguyễn Đức D có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng theo hướng bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông phải hoàn trả lại số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông về việc buộc ông Và Bá M phải trả lại cho ông giá trị tài sản mà ông bị mất trong thời gian ông Má thu hoạch mỏ; Buộc ông Má phải trả lại cho ông toàn bộ số tiền thu được từ việc bán mỏ của Hợp đồng trong thời gian ông Má thu hoạch mỏ từ ngày 09/3/2022 đến 01/6/2022.

*\* Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:*

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội

đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**\*Về tố tụng:**

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273, 278, 279, 282 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

**\*Về nội dung:**

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức D về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông phải hoàn trả lại số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét việc thực hiện hợp đồng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Và Bá M khai nhận trong thời hạn thực hiện hợp đồng thì ngày 20/5/2022 có người vào tranh chấp vườn cao su ông đang thuê khoán. Ông Và Bá M thông báo việc này cho ông Nguyễn Đức D và đề nghị ông Nguyễn Đức D giải quyết sự việc trên. Tuy nhiên, sau một thời gian thì ông Nguyễn Đức D vẫn không giải quyết được, khiến ông không thể tiếp tục khai thác hoa lợi cây cao su nên ông trả lại vườn cao su cho ông Nguyễn Đức D và đề nghị hủy hợp đồng khai thác mỏ cao su với ông Nguyễn Đức D và yêu cầu ông Nguyễn Đức D trả lại số tiền thuê khoán. Bà Khổng Thị M và anh Nguyễn Đức H thừa nhận vào khoảng tháng 5 năm 2022 thì bà Khổng Thị M và anh Nguyễn Đức H có vào khai thác vườn cao su mà ông Nguyễn Đức D đã ký hợp đồng với ông Và Bá M. Sau đó, ông Nguyễn Đức D có ngăn cản và dùng hung khí chém anh Nguyễn Đức H gây thương tích. Sau một thời gian nằm viện và nghỉ ngơi phục hồi sức khỏe thì anh Nguyễn Đức H tiếp tục khai thác vườn cao su nói trên mà không có ai ngăn cản. Ông Nguyễn Đức D cũng thừa nhận trong thời gian thực

hiện hợp đồng thì bà Không Thị M, anh Nguyễn Đức H cùng một số người đã vào vườn cao su của ông tiến hành khai thác mủ cao su khiến cho ông Và Bá M không thể khai thác vườn cao su. Như vậy, giữa bà Không Thị M, anh Nguyễn Đức H và ông Nguyễn Đức D xảy ra tranh chấp quyền quản lý, sử dụng vườn cao su khiến cho ông Và Bá M không thể khai thác hoa lợi cây cao su là có thật. Điều 423 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “1. Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp sau đây: a) Bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận; b) Bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng; c) Trường hợp khác do luật quy định”. Như vậy, ông Nguyễn Đức D không đảm bảo sự ổn định, an toàn cho ông Và Bá M trong việc thực hiện hợp đồng làm cho ông Và Bá M không thể khai thác mủ cao su là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Và Bá M về việc hủy Hợp đồng khai thác mủ cao su năm 2022 lập ngày 09/3/2022.

Về số tiền thuê khoán tài sản: Ông Và Bá M khai nhận anh đã đưa giao số tiền thuê khoán 200.000.000đ cho ông Nguyễn Đức D. Ông Nguyễn Đức D thừa nhận đã nhận đủ số tiền thuê khoán 200.000.000đ của ông Và Bá M vào ngày 09/3/2022. Đây là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Và Bá M về việc yêu cầu ông Nguyễn Đức D hoàn trả lại số tiền thuê khoán 200.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức D về việc chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông về việc buộc ông Và Bá M phải trả lại cho ông giá trị tài sản mà ông bị mất trong thời gian ông Má thu hoạch mủ: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức D khai nhận sau khi ký kết hợp đồng khai thác mủ cao su năm 2022 thì ngoài việc bàn giao vườn cao su, ông Nguyễn Đức D bàn giao nhà và tài sản trong nhà cho ông Và Bá M quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, sau khi ông Và Bá M trả lại chìa khóa nhà cho ông, ông vào kiểm tra thì thấy cửa nhà bị hư hỏng và những tài sản gồm ắc quy 150A giá 3.000.000đ; Đồi nguồn điện giá 4.000.000đ; Máy cưa xăng giá 11.500.000đ; Cục thu phát Wifi giá 1.200.000đ; 05 chai thuốc cỏ giá 900.000đ; 04 can thuốc cỏ giá 4.800.000đ; 50 đến 60 con gà có giá 6.000.000đ đã bị mất và do cửa nhà bị hư hỏng nên ông phải sửa chữa với số tiền là 5.000.000đ. Do ông Và Bá M không bảo vệ tài sản khiến tài sản bị mất nên ông Nguyễn Đức D yêu cầu ông Và Bá M bồi thường thiệt hại cho ông tương đương với số tiền 36.400.000đ. Ông Và Bá M không đồng ý yêu cầu của ông Nguyễn Đức D. Xét, ông Và Bá M khai nhận, ngoài việc thỏa thuận khai thác mủ cao su và ông



Nguyễn Đức D giao vườn cao su cho ông Má thì các bên không thỏa thuận nội dung nào khác. Ông Má thừa nhận ông Nguyễn Đức D có cho ông mượn căn nhà (căn nhà trên diện tích đất trồng điều) để có nơi ở khai thác mỏ cao su và ông đã trả lại nhà cho ông Nguyễn Đức D. Ngoài ra, ông Nguyễn Đức D không có giao tài sản nào khác cho ông. Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...*”. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức D thừa nhận khi ông giao căn nhà cùng tài sản trong nhà cho ông Và Má Bá không có lập biên bản ghi nhận việc bàn giao tài sản này. Ông Nguyễn Đức D thừa nhận ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông giao cho ông Và Bá M quyền quản lý, sử dụng những tài sản nói trên. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức D không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức D về việc chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông về việc buộc ông Và Bá M phải trả lại cho ông giá trị tài sản mà ông bị mất trong thời gian ông Má thu hoạch mỏ:

Đối với yêu cầu kháng cáo này không được HĐXX xem xét vì vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện do tại cấp sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Đức D không nêu ra trong yêu cầu phản tố cũng như yêu cầu khởi kiện của ông Và Bá M theo các Điều 244, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nếu sau này đương sự khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Và Bá M. Yêu cầu Hủy hợp đồng khai thác mỏ cao su với ông Nguyễn Đức D và buộc ông Nguyễn Đức D trả số tiền thuê khoán 200.000.000đ là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức D. Cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, tính đến thời điểm này ông Nguyễn Đức D là người cao tuổi (61 tuổi) thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 nên ông Nguyễn Đức D, hơn nữa ông Nguyễn Đức D hiện tại gặp khó khăn do đang chấp hành án phạt tù. Vì vậy, ông Nguyễn Đức D được miễn nộp tiền án phí.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức D;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g, khoản 1, Điều 40, điểm d, Điều 40 khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 244 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các Điều 423, Điều 427, Điều 483 và Điều 484 của Bộ luật Dân sự Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Và Bá M:

Tuyên hủy hợp đồng khai thác mỏ cao su năm 2022 lập ngày 09/3/2022 giữa ông Nguyễn Đức D và ông Và Bá M.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Đức D trả cho nguyên đơn ông Và Bá M số tiền thuê khoán là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Và Bá M về bồi thường thiệt hại; Nếu sau này đương sự khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức D về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Đức D trả cho ông Và Bá M số tiền chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản là 15.400.000đ (mười lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng).

5. Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Đức D được miễn nộp tiền án phí. Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Và Bá M số tiền tạm ứng án phí là 5.692.500đồng theo biên lai thu tiền số 0000462 ngày 02 tháng 6 năm 2022.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thanh Thảo**